TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/KDTM-PT
Ngày: 30/5/2019
V/v tranh chấp: "Hợp đồng mua bán hàng hóa và bồi thường thiệt hại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Sâm Hương

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 07/2019/TLPT-KDTM ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp: "Hợp đồng đại lý và hợp đồng thuê nhà".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2018/KDTM-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty N (nay là Công ty T);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Tăng Minh Đ – Chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Hồ Thị N, sinh năm 1976; (Có mặt)

Địa chỉ: Đường N, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 15/8/2016).

- *Bị đơn:* Phạm Thị Trúc L, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tổ A, ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

1. Ông Nguyễn Minh Đ1, sinh năm 1971; (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 11 năm 2016).

2. Bà Dương Mỹ L1, sinh năm 1988; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 4 năm 2019).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Đào Hữu H, sinh năm 1957; (Có mặt)

2. Vương Thị Bích Đ2, sinh năm 1957;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ2: Đào Hữu H, sinh năm 1957;

Cùng địa chỉ: Đường L, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 7 năm 2018).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – Phạm Thị Trúc L.

- *Viện Kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn – Công ty N trình bày:

Ngày 01/6/2016 Công ty N có ký hợp đồng phân phối độc quyền sản phẩm là rượu Linh Chi Thuận Gia với bà Phạm Thị Trúc L tại cửa hàng rượu Đường M, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang với nội dung:

+ Bà Phạm Thị Trúc L được quyền bán độc quyền sản phẩm của Công ty trừ Nhà khách Tiền Giang, Nhà hàng Chương Dương và Công an tỉnh Tiền Giang.

+ Bà Phạm Thị Trúc L phải đầu tư mặt bằng theo yêu cầu của Công ty.

+ Công ty cho bà Phạm Thị Trúc L mượn 14 tủ trưng bày rượu.

+ Bà Phạm Thị Trúc L được hưởng hoa hồng 45% theo từng đơn đặt hàng và 5% trên tổng doanh số trong năm.

Ngày 06/6/2016 bà L có ký nhận nợ Công ty 262.770.000 đồng.

Do các sản phẩm của Công ty chưa dán tem của Cục Thuế, nên sau đó Công ty có ra thông báo thu hồi đề ngày 15/7/2017 gửi cho bà L qua đường bưu điện để hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến sản phẩm, nhưng bà Phạm Thị Trúc L không cho Công ty thu hồi mà còn tự ý thành lập Công ty TNHH một thành viên Thương mại Dịch vụ Linh Chi tại đường L, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang do bà L làm đại diện theo pháp luật để kinh doanh các sản phẩm của Công ty.

Bà Phạm Thị Trúc L vi phạm hợp đồng, tự ý chiếm đoạt tài sản của Công ty để kinh doanh nên Công ty khởi kiện, yêu cầu Tòa xem xét giải quyết, buộc bà Phạm Thị Trúc L phải thanh toán cho Công ty các khoản sau:

1. Số tiền 262.770.000 đồng, bà L đã ký xác nhận nợ vào ngày 06/6/2016.

2. Số tiền 22.400.000 đồng là giá trị của 16 tủ trưng bày rượu.

3. Số tiền 1.885.878 đồng gồm tiền điện, wifi, cáp (tiền điện 1.082.048 đồng + tiền wifi 215.130 đồng + tiền cáp 588.700 đồng).

Tổng cộng là 287.055.878 đồng. Yêu cầu thanh toán làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời yêu cầu hủy hợp đồng phân phối sản phẩm giữa các bên đã ký ngày 01/6/2016.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 15/6/2017 – Công ty N trình bày: Trước đây Công ty khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Trúc L phải thanh toán các khoản là 287.055.878 đồng. Do trong quá trình Tòa án giải quyết tranh chấp thì Công ty đã tự thỏa thuận, thu hồi được các khoản sau:

+ 47.770.000 đồng trong 66.040.000 đồng đã chuyển nợ tại 11 cửa hàng cho bà L ký nhận ngày 06/6/2016.

+ 47.960.000 đồng là giá trị hàng hóa thu hồi tại mặt bằng của ông Hiếu ngày 11/4/2017.

+ 14 tủ trưng bày rượu trị giá 19.600.000 đồng.

Tổng cộng là 115.330.000 đồng.

Trừ đi, thì hiện bà Trúc Linh còn nợ Công ty số tiền 171.725.878 đồng, gồm:

+ 2 tủ cây trưng bày rượu 2.800.000 đồng.

+ Tiền điện, cáp, wifi 1.885.878 đồng.

+ Tiền hàng, đã giao là 148.770.000 đồng + thu hồi nợ tại 4 cửa hàng Thượng Uyển, Sông Tiền, Thiện Đức và Hương Biển là 18.270.000 đồng.

Vì vậy, Công ty thay đổi yêu cầu khởi kiện, nay chỉ còn yêu cầu Tòa buộc bà Phạm Thị Trúc L phải trả 171.725.878 đồng nêu trên chứ không phải 287.055.878 đồng như khởi kiện ban đầu.

Bị đơn – bà Phạm Thị Trúc L trình bày: Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà xác nhận ngày 01/6/2016 có ký Hợp đồng làm đại lý phân phối sản phẩm cho Công ty N trong thời hạn 36 tháng.

Ông Tăng Minh Đ là đại diện theo pháp luật của Công ty kêu bà phải đưa cho ông 100.000.000 đồng rồi mới ký hợp đồng chính thức và chuyển giao trụ sở cũ là đại lý phân phối sản phẩm tại đường L, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (thuê của Đào Hữu H) mà ông Đ đã đầu tư và kinh doanh từ tháng 5/2016 do bà P vợ ông Đ trực tiếp quản lý. Tại điều IV của Hợp đồng này các bên đã giao kết bên Công ty cam kết sản phẩm chuyển giao cho bà phân phối là sản phẩm hợp pháp về mặt pháp lý do Nhà nước quy định. Ký hợp đồng với Công ty xong thì ngày 06/6/2016 bà đã ký nhận hàng và nhận chuyển nợ từ 11 cửa hàng (nhận chuyển nợ chủ yếu là hàng ký gửi và bà đã thu hồi hàng về 4 cửa hàng tổng cộng 18.270.000 đồng và số này đã tiêu thụ hết; 07/11 cửa hàng đã ký chuyển nợ cho bà ngày 06/6/2016 mà Công ty lại tự đi thu gom hàng về là thất tín).

Ngày 21/6/2016, bà nhận chuyển giao tiếp từ Công ty hợp đồng thuê nhà của ông Hiếu để tiếp tục làm văn phòng trưng bày, giới thiệu sản phẩm.

Đại lý vừa đi vào hoạt động thì bị Đội quản lý thị trường số 3, thành phố M kiểm tra và yêu cầu đóng cửa, không được phép hoạt động do sản phẩm chưa được dán tem thuế và tại số X đường L chưa đăng ký kinh doanh rượu. Khi nhận hàng, do thấy sản phẩm có dán tem thì nhận. Sau này mới biết đó là tem của Công ty không phải tem thuế và như vậy là chưa kinh doanh được.

Sau khi bị kiểm tra, ông Tăng Minh Đ kêu bà đi đăng ký kinh doanh rượu để tiếp tục hoạt động còn ông thì sẽ tiến hành dán tem thuế các chai rượu đã giao để bà kinh doanh như hợp đồng đã ký. Tuy nhiên, khi bà đã đăng ký kinh doanh rượu xong thì ông Đ cũng không thực hiện việc dán tem thuế các chai rượu đã giao cho bà như đã hứa mà cứ hẹn hết lần này đến lần khác rồi cuối cùng phủi bỏ trách nhiệm, đòi cắt hợp đồng cho rằng do bà không chịu mở cửa ra bán hàng.

Ngày 25/7/2016, ông Đ kêu nhân viên lên giao cho bà Thông báo thu hồi toàn bộ sản phẩm. Trong khi bà ký nhận nợ của Công ty 262.770.000 đồng và đưa cho ông Đ 100.000.000 đồng tiền đầu tư mặt bằng làm điều kiện thì ông Đức mới ký Hợp đồng và giao sản phẩm cho bà làm đại lý phân phối. Ngoài ra, để chuẩn bị đi vào hoạt động thì bà còn phải chi tiêu nhiều khoản như tiền thuê mặt bằng, chi phí nhân viên tiếp thị, chi phí rượu quảng cáo sản phẩm, chi phí cho nhân viên cửa hàng, chi phí xăng xe đi giao rượu và thu hồi rượu, chi phí in bao bì, chi phí cho cộng tác viên tiếp thị, chi phí xin phép thành lập Công ty Linh Chi, đóng môn bài hoạt động ½ năm, làm con dấu công ty, chi phí thanh lý hợp đồng thuê nhà giữa bà Phượng và ông Hiếu và Công chứng Hợp đồng thuê nhà mới với ông H, chi phí khám sức khỏe và đi học lấy chứng chỉ lớp đào tạo an toàn thực phẩm…Mà ông Đ chỉ gửi giấy bảo thu hồi toàn bộ hàng hóa là thu hồi, không có một động tác gì để cho bà tin là quyền lợi của mình được đảm bảo nên bà có quyền không trả hàng cho Công ty vô điều kiện như vậy.

Toàn bộ hàng hóa bên Công ty N giao cho bà làm đại lý phân phối chưa dám tem thuế là không hợp pháp để kinh doanh ra thị trường như đã khai ở trên. Chính vì điều này mà bà đồng ý hủy Hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm mà các bên đã ký ngày 01/6/2016. Lỗi hủy hợp đồng là do phía Công ty nên bà yêu cầu Công ty phải hoàn trả cho bà 100.000.000 đồng nói là tiền đầu tư mặt bằng (Nhưng thực chất đây là tiền dung để đảm bảo) chứ không có đầu tư gì cả, Công ty đã đưa ra làm điều kiện khi ký hợp đồng với bà. Trước đây bà còn yêu cầu Công ty phải bồi thường 34.666.258 đồng chi phí đã bỏ ra thực hiện hợp đồng. Bà nhận chuyển nợ chủ yếu là hàng ký gởi, thu hồi từ 04 cửa hàng số hàng có giá 18.270.000 đồng và hiện đã tiêu thụ hết số này. Tổng cộng bà đã tiêu thụ một số hàng có giá là 100.460.000 đồng, chủ yếu là tặng cho để lấy mối, giới thiệu sản phẩm nhưng bà chấp nhận làm ăn phải chịu có khi thua lỗ nên tự nguyện rút lại yêu cầu này. Các bên đã giao ước ai sai thì phải chịu. Tuy bà rút lại yêu cầu bồi thường này nhưng đây là toàn bộ chi phí thực tế mà bà đã bỏ ra thực hiện hợp đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chiết khấu cho bà "45% theo từng đơn đặt hàng" như các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng để giảm bớt thua lỗ.

Bà L đồng ý trả lại toàn bộ sản phẩm hiện bà còn giữ theo biên bản định giá ngày 24/5/2017, có giá là 66.580.000 đồng. Bà L trình bày bà nhận hàng chưa dán tem thuế nên khi hủy hợp đồng bà sẽ trả lại toàn bộ số hàng này, không đồng ý trả tiền như Công ty yêu cầu. Bà L không đồng ý trả 1.885.878 đồng gồm tiền điện, wifi, cáp (điện 1.082.048 đồng + wifi 215.130 đồng + cáp 588.700 đồng) như nguyên đơn yêu cầu và trình bày do trong thời gian ở đó bà đã tự thanh toán các khoản này, bà không nhờ Công ty chi trả thay, lỗi không hoạt động được là do Công ty làm bà thua lỗ đã quá nhiều.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập – ông Đào Hữu H và bà Vương Thị Bích Đ cùng trình bày: Ngày 10/3/2016, ông có ký Hợp đồng cho ông Tăng Minh Đ – Công ty N thuê nhà đường L, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang trong thời hạn 5 năm để kinh doanh các sản phẩm của Công ty. Thuê được 03 tháng thì Công ty báo sẽ chuyển giao lại hợp đồng thuê này sang cho chị L thuê tiếp để làm đại lý độc quyền phân phối sản phẩm cho Công ty ông Đ.

Ngày 21/6/2016 các bên thống nhất việc này, cả 03 bên ra phòng Công chứng; hủy hợp đồng thuê nhà cũ, ký hợp đồng thuê nhà mới với bà L cũng trong thời hạn 05 năm. Giá thuê 3 năm đầu là 6.000.000 đồng/tháng; 2 năm sau là 6.600.000 đồng/tháng. Nhưng đến ngày 07/8/2016 thì bà L cũng trả lại mặt bằng trước hạn cho ông; nói là do Công ty N không giữ đúng cam kết, vẫn phân phối độc quyền và do số rượu Công ty giao cho bà chưa dán tem thuế theo quy định của pháp luật nên cửa hàng không được hoạt động.

Bà L đã thanh toán hết tiền thuê đến ngày 07/8/2016 cho ông; dọn hàng, đang định di dời trả mặt bằng thì công an Phường A đến làm việc do phía ông Đ đại diện cho Công ty N đến trình báo là bà L tẩu tán tài sản. Các bên tranh chấp, bà L không di dời tài sản được mà vẫn để trên mặt bằng của ông từ đó đến nay nên ông cũng không cho người khác thuê được.

Gần nhất thời điểm đó bà L là người ký hợp đồng thuê nhà của ông nhưng bà L đã báo trước thời hạn, ông đồng ý và đã thanh toán xong. Phía ông Đ đại diện cho Công ty N yêu cầu công an đến làm việc và yêu cầu giữ lại tài sản ở đó chờ Tòa giải quyết. Ông không hiểu biết pháp luật nên ông khởi kiện cả hai, yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc Công ty N liên đới với bà Phạm Thị Trúc L, hoặc Công ty N, hoặc bà Phạm Thị Trúc L phải trả cho ông tiền thuê nhà từ 08/8/2016, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 113.800.000 đồng; thanh toán làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2017/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Điều 220, 227, 244, 246 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 472 và Điều 357 Bộ luật dân sự; các Điều 166, 168, 169, 173, 174, 176 Luật Thương mại; Luật phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty N. Buộc bà Phạm Thị Trúc L phải trả cho Công ty N số tiền 55.253.000 đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận việc Công ty N yêu cầu bà Phạm Thị Trúc L phải trả 1.885.878 đồng tiền điện, cáp, wifi.

Ghi nhận việc Công ty N và bà Phạm Thị Trúc L thống nhất hủy "Hợp đồng phân phối rượu Linh Chi Thuận Gia" mà các bên đã ký ngày 01/6/2016.

Ghi nhận việc Công ty N và bà Phạm Thị Trúc L thống nhất giao nhận lại toàn bộ số sản phẩm bà L hiện còn giữ theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/5/2017, gồm: 13 bình rượu 4 lít, 11 bình rượu 01 lít, 25 chai rượu 750ml, 198 chai rượu 350ml, 184 chai rượu 300ml, 14 hộp trà và 01 bịt nấm, 02 tủ trưng bày rượu (Có biên bản xem xét, thẩm định kèm theo).

Ghi nhận việc bà L cam kết sẽ giao đúng, giao đủ cho Công ty theo biên bản xem xét, thẩm định này; nếu có mất mát hư hỏng phần nào thì bà sẽ trả cho Công ty N theo giá thị trường.

2. Buộc Công ty N phải trả lại cho bà Phạm Thị Trúc L số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tiền đầu tư mặt bằng đã nhận vào ngày 12/5/2016 làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận việc bà Phạm Thị Trúc L tự nguyện rút lại yêu cầu bồi thường thiệt hại tổng cộng là 34.666.258 đồng. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

3. Buộc Công ty N có trách nhiệm phải trả cho ông Đào Hữu H số tiền 82.200.000 đồng tiền thuê nhà từ ngày 08/8/2016 cho đến ngày 29/9/2017. Công ty còn trách nhiệm trả tiền thuê nhà này cho đến khi án có hiệu lực pháp luật. Có trách nhiệm di dời và được

quyền quản lý, sử dụng các vật dụng như máy lạnh, bàn tiếp tân, bàn tiếp tân, bàn tiếp khách, ti vi, máy in, máy vi tính, tủ lạnh, điện thoại bàn, bảng hiệu…theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/4/2017 (Có biên bản kèm theo).

Ghi nhận việc ông H và bà L thống nhất hủy Hợp đồng thuê nhà mà các đã ký ngày 21/6/2016.

Ghi nhận việc ông H rút lại yêu cầu bà L phải đưa cho ông 18.000.000 đồng đặt cọc. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11 tháng 10 năm 2017, nguyên đơn – Công ty N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩn số 16/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017.

Tại bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 06/2018/KDTM-PT ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xử:

1. Hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 16/2017/KDTM-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Hoàn lại Công ty N 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0011573, ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2018/KDTM-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 244 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 168, 170, 172, 173, 174, 175, 176, 177 và Điều 306 Luật Thương mại; Điều 495 và Điều 305 Bộ luật dân sự 2005. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của Công ty T, bà Phạm Thị Trúc L, ông Đào Hữu H và bà Vương Thị Bích Đ.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của Công ty T và bà Phạm Thị Trúc L.

Công ty T và bà Phạm Thị Trúc L thống nhất hủy hợp đồng phân phối rượu linh chi Thuận Gia lập ngày 01/6/2016.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty T đối với bà Phạm Thị Trúc L.

Buộc bà Phạm Thị Trúc L trả cho Công ty T số tiền 57.138.878 đồng và số lượng sản phẩm là rượu, trà, nấm và 02 tủ rượu theo biên bản xem xét thẩm định ngày 24/5/2017. Thực hiện một lần (Có biên bản kèm theo).

Kể từ ngày Công ty có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãu trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty T, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị Trúc L.

Bà Phạm Thị Trúc L được hưởng số tiền 45.207.000 đồng trong tổng số tiền 100.460.000 đồng mà bà L đang giữ.

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị Trúc L đối với với Công ty T về việc yêu cầu Công ty trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng đầu tư vào mặt bằng đường L, Phường A, thành phố M.

6. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Đào Hữu H và bà Vương Thị Bích Đ2.

Buộc bà Phạm Thị Trúc L trả cho ông Đào Hữu H và bà Vương Thị Bích Đ2 số tiền 107.800.000 đồng. Trả một lần.

Ghi nhận ông Đào Hữu H và bà Vương Thị Bích Đ2 tự nguyện trả lại các trang thiết bị đầu tư vào mặt bằng cho bà Phạm Thị Trúc L theo biên bản thẩm định tài sản ngày 11/4/2017 (Có biên bản kèm theo, từ mục 01 đến mục 17).

7. Kể từ ngày ông Đào Hữu H và bà Vương Thị Bích Đ2 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Thị Trúc L chậm trả tiền thì phải chịu lãi suất theo quy định tài Điều 305 Bộ luật dân sự 2005.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 12 năm 2018, bị đơn – Phạm Thị Trúc L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án khách quan đúng pháp luật.

Ngày 05 tháng 12 năm 2018, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 1066/QĐ/KN-VKS đối với bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang:

+ Đơn kháng cáo của bị đơn thực hiện đúng theo quy định của pháp luật

+ Kháng nghị Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang: Qua xem xét hợp đồng đã ký kết giữa Công ty N (nay là Công ty T) với bà Phạm Thị Trúc L cho thấy phía Công ty giao hàng cho bà L bán đã không dán tem thuế theo đúng quy định của pháp luật. Khi ký kết hợp đồng phía Công ty biết rõ là bà L chưa có giấy phép kinh doanh nhưng vẫn ký hợp đồng, do vậy hợp đồng ký kết giữa Công ty và bà L là vô hiệu thì tài sản của ai trả về người đó và ai có lỗi thì phải gánh chịu hậu quả . Phía Công ty đã giao hàng không đúng theo hợp đồng đã ký kết dẫn đến cửa hàng phải đóng cửa, bà L yêu cầu Công ty trả lại 100.000.000 đồng tiền đầu tư ban đầu (Thực chất là tiền dùng để đảm bảo) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do Công ty giao hàng không đúng theo hợp đồng đã

ký kết dẫn đến bà L không hàng để bán nên bà L phải đóng cửa hàng. Khi bà L và Công ty tranh chấp, phía Công ty đề nghị Công an Phường A, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang giải quyết tranh chấp, Công an Phường A, TP. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang yêu cầu các bên không được di dời hàng hóa ra khỏi căn nhà cho thuê, nên phía ông Hiếu và bà Đào không lấy được nhà để cho người khác thuê. Nay phía vợ chồng bà Đào và ông Hiếu khởi kiện đòi lại tiền thuê nhà là 107.800.000 đồng. Công ty là người phải trả tiền thuê nhà cho ông Hiếu và bà Đào là có căn cứ.

Từ những nhận định trên xét yêu cầu kháng cáo và kháng Nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 BLTTDS. Sửa án một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2018/KDTM-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cụ thể :

- Buộc Công ty N phải hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Trúc L 100.000.000 đồng tiền đầu tư mặt bằng.

- Buộc Công ty N phải hoàn trả số tiền thuê nhà cho vợ chồng ông Hiếu và bà Đào là 107.800.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Trúc L, kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang, các tình tiết của vụ án, việc giải quyết, xét xử của Tòa cấp sơ thẩm, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng đại lý và hợp đồng thuê nhà" là có căn cứ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang:

*Kháng nghị số 1066/QĐ/KN – VKS ngày 05 tháng 12 năm 2018, của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đối với bản án sơ thẩm:

Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm sửa một phần bản án bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2018/KDTM-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cụ thể:

- Buộc Công ty N phải hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Trúc L 100.000.000 đồng tiền đầu tư mặt bằng.

- Buộc Công ty N phải hoàn trả số tiền thuê nhà cho vợ chồng ông Hiếu và bà Đào là 107.800.000 đồng. Bà L không phải trả số tiền này.

*Yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Trúc L yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm sửa một phần bản án bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2018/KDTM-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền cụ thể:

- Buộc Công ty N phải hoàn trả lại cho bà 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) tiền đầu tư mặt bằng (Thực chất là tiền dùng để đảm bảo).

- Buộc Công ty N phải hoàn trả số tiền thuê nhà cho vợ chồng ông Hiếu và bà Đào là 107.800.000 đồng.

- Trong phần Quyết định của bản án sơ thẩm ghi " Buộc bà Phạm Thị Trúc L trả cho Công ty T số tiền 57.138.878 đồng" ở đây tòa sơ thẩm tuyên không đúng, bởi trong phần nhận định trong bản án thì ghi là bà L phải trả cho Công ty là 55.230.000 đồng. Do vậy đề nghị tòa cấp phúc thẩm sửa lại cho phù hợp, bởi: Theo án sơ thẩm nhận định: Căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính, quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Đội quản lý thị trường số 3 – Chi cục quản lý thị trường tỉnh Tiền Giang lập và ban hành ngày 20/6/2016 thì lúc kiểm tra cửa hàng đường L, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang thì phía Công ty đã có hành vi không thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho đối tượng thuộc diện phải khám sức khỏe định kỳ (Số lượng 02 lao động) đã xử phạt Công ty 1.500.000 đồng. Đồng thời qua xác minh Công an Phường A cũng không có sự việc niêm phong cửa hàng, bà L là người giữa chìa khóa nhà, hơn nữa căn cứ vào Điều 170 Luật Thương mại thì bên giao đại lý là chủ sở hữu đối với hàng hóa hoặc tiền giao cho bên đại lý. Như vậy mặc dù khi ký kết hợp đồng phía bà L có ký kết công nợ với số tiền là 262.700.000 đồng nhưng hàng hóa giao cho bà L vẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty. Công ty có quyền thu hồi sản phẩm nhưng bà L không cho thu hồi dẫn đến tranh chấp thì lỗi thuộc về bà L nên Công ty không phải trả lại cho bà L 100.000.000 đồng tiền đầu tư ban đầu và tiền thuê nhà. Án sơ thẩm xác định lỗi trong vụ án này thuộc về bà L nên bà L phải gánh chịu hậu quả pháp lý do lỗi của mình gây ra là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

Về số tiền buộc bà L phải trả cho Công ty trong phần quyết định tuyên là 57.138.878 đồng nhưng trong phần nhận định của Tòa án (Trang 8) ".....Xét thấy theo thỏa thuận trong hợp đồng tại mục II thì bà L được hưởng hoa hồng là 45% theo từng đơn đặt hàng..... Buộc bà L phải trả lại 55% trên số tiền 100.460.000 đồng cho Công ty là 55.253.000 đồng, do vậy cần điều chỉnh lại số tiền này cho đúng, buộc bà L phải trả cho Công ty là 55.253.000 đồng.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang và kháng cáo của bị đơn Phạm Thị Trúc L.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm bị đơn – Phạm Thị Trúc L phải chịu là 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 244 và Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 168, 170, 172, 173, 174, 175, 176, 177 và Điều 306 Luật Thương mại; Điều 495 và Điều 305 Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ vào pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang và kháng cáo của bị đơn Phạm Thị Trúc L.

2. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2018/KDTM-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Xử :

3.1 Chấp nhận yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của Công ty T, bà Phạm Thị Trúc L, ông Đào Hữu H và bà Vương Thị Bích Đ2.

3.2. Ghi nhận sự thỏa thuận của Công ty T và bà Phạm Thị Trúc L.

Công ty T và bà Phạm Thị Trúc L thống nhất hủy hợp đồng phân phối rượu linh chi Thuận Gia lập ngày 01/6/2016.

3.3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty T đối với bà Phạm Thị Trúc L.

Buộc bà Phạm Thị Trúc L trả cho Công ty T số tiền 55.253.000 đồng và số lượng sản phẩm là rượu, trà, nấm và 02 tủ rượu theo biên bản xem xét thẩm định ngày 24/5/2017. Thực hiện một lần (Có biên bản kèm theo).

Kể từ ngày Công ty có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán.

3.4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty T, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị Trúc L.

Bà Phạm Thị Trúc L được hưởng số tiền 45.207.000 đồng trong tổng số tiền 100.460.000 đồng mà bà L đang giữ.

3.5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị Trúc L đối với với Công ty T về việc yêu cầu Công ty trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng đầu tư vào mặt bằng số đường L, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.6. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Đào Hữu H và bà Vương Thị Bích Đ2.

Buộc bà Phạm Thị Trúc L trả cho ông Đào Hữu H và bà Vương Thị Bích Đ2 số tiền 107.800.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận ông Đào Hữu H và bà Vương Thị Bích Đ2 tự nguyện trả lại các trang thiết bị đầu tư vào mặt bằng cho bà Phạm Thị Trúc L theo biên bản thẩm định tài sản ngày 11/4/2017 (Có biên bản kèm theo, từ mục 01 đến mục 17).

3.7. Kể từ ngày ông Đào Hữu H và bà Vương Thị Bích Đ2 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Thị Trúc L chậm trả tiền thì phải chịu lãi suất theo quy định tài Điều 305 Bộ luật dân sự 2005.

4. Về án phí:

4.1 Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Trúc L phải chịu 13.246.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Bà L đã tạm nộp 2.574.250 đồng theo biên lai thu số 31161 ngày 29/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang khấu trừ thì bà L còn phải nộp thêm là 10.671.750 đồng.

- Công ty T phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, Công ty đã tạm nộp 7.176.500 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 30933 ngày 17/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang khấu trừ thì còn phải hoàn trả lại cho Công ty 4.176.500 đồng.

- Ông Hiếu và bà Đào không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Hiếu và bà Đào 1.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 31281 ngày

28/12/2016 và 2.825.000 đồng theo biên lai thu số 0012479 ngày 04/5/2018 của Chi cục Thi hành án thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4.2 Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Phạm Thị Trúc L phải chịu là 2.000.000 đồng, bà L đã tạm nộp dự phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0013313 ngày 03/12/2018 khấu trừ xem như bà L đã nộp xong tiền án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6,7 và 9 LTHADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 LTHADS.

Án truyên vào lúc 09 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 5 năm 2019. Có mặt bà Phạm Thị Trúc L, ông Đào Hữu H, văng mặt Công ty T.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M, TG;
- CCTHADS thành phố M, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thu Hằng